VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/2023/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ
Quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và các sửa đổi;

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải, bao gồm:

1. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện ngắn hạn.

2. Chương trình đào tạo nâng cao.

3. Chương trình bổ túc.

4. Chương trình huấn luyện nghiệp vụ.

5. Chương trình đào tạo hoa tiêu.

6. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải (sau đây viết tắt là cơ sở đào tạo, huấn luyện) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN, HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 3. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện ngắn hạn

1. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu dưới 500 GT (hành trình gần bờ) quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình huấn luyện ngắn hạn để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu dưới 50 GT hành trình gần bờ quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW đến dưới 3000 kW quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chương trình huấn luyện ngắn hạn để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 kW quy định tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện quy định tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Chương trình đào tạo nâng cao

1. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ cao đẳng để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ sơ cấp ngành điều khiển tàu biển để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca quy định tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ cao đẳng để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ sơ cấp ngành khai thác máy tàu biển để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ máy trực ca quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chương trình đào tạo nâng cao trình độ sơ cấp để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ kỹ thuật điện quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Chương trình bổ túc

1. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học quy định tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp quy định tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ đại học quy định tại Phụ lục 22 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng quy định tại Phụ lục 23 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp quy định tại Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp quy định tại Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ đại học quy định tại Phụ lục 26 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ cao đẳng quy định tại Phụ lục 27 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp quy định tại Phụ lục 28 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Chương trình huấn luyện nghiệp vụ

1. Chương trình huấn luyện kỹ thuật cứu sinh quy định tại Phụ lục 30 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình huấn luyện an toàn sinh mạng và trách nhiệm xã hội quy định tại Phụ lục 31 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình huấn luyện nghiệp vụ trên bè cứu sinh và xuồng cứu nạn quy định tại Phụ lục 32 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình huấn luyện xuồng cứu nạn cao tốc quy định tại Phụ lục 33 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình huấn luyện quản lý đám đông đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 34 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình huấn luyện an toàn cho nhân viên phục vụ trực tiếp trên khoang hành khách tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 35 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chương trình huấn luyện an toàn hành khách, an toàn hàng hóa và tính nguyên vẹn của vỏ tàu đối với tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 36 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Chương trình huấn luyện quản lý khủng hoảng và phản ứng của con người trên tàu khách và tàu khách Ro-Ro quy định tại Phụ lục 37 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Chương trình huấn luyện nhận thức an ninh tàu biển quy định tại Phụ lục 38 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Chương trình huấn luyện thuyền viên có nhiệm vụ an ninh tàu biển cụ thể quy định tại Phụ lục 39 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Chương trình huấn luyện sỹ quan an ninh tàu biển quy định tại Phụ lục 40 ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Chương trình huấn luyện phòng cháy chữa cháy quy định tại Phụ lục 41 ban hành kèm theo Thông tư này.

13. Chương trình huấn luyện phòng cháy chữa cháy nâng cao quy định tại Phụ lục 42 ban hành kèm theo Thông tư này.

14. Chương trình huấn luyện cơ bản cho thuyền viên làm việc trên tàu dầu và tàu hóa chất quy định tại Phụ lục 43 ban hành kèm theo Thông tư này.

15. Chương trình huấn luyện nâng cao cho thuyền viên làm việc trên tàu dầu quy định tại Phụ lục 44 ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Chương trình huấn luyện nâng cao cho thuyền viên làm việc trên tàu hóa chất quy định tại Phụ lục 45 ban hành kèm theo Thông tư này.

17. Chương trình huấn luyện cơ bản cho thuyền viên làm việc trên tàu khí hóa lỏng quy định tại Phụ lục 46 ban hành kèm theo Thông tư này.

18. Chương trình huấn luyện nâng cao cho thuyền viên làm việc trên tàu khí hóa lỏng quy định tại Phụ lục 47 ban hành kèm theo Thông tư này.

19. Chương trình huấn luyện sơ cứu cơ bản quy định tại Phụ lục 48 ban hành kèm theo Thông tư này.

20. Chương trình huấn luyện sơ cứu y tế quy định tại Phụ lục 49 ban hành kèm theo Thông tư này.

21. Chương trình huấn luyện chăm sóc y tế quy định tại Phụ lục 50 ban hành kèm theo Thông tư này.

22. Chương trình huấn luyện quản lý đội ngũ hoặc nguồn lực buồng lái quy định tại Phụ lục 51 ban hành kèm theo Thông tư này.

23. Chương trình huấn luyện quản lý đội ngũ hoặc nguồn lực buồng máy quy định tại Phụ lục 52 ban hành kèm theo Thông tư này.

24. Chương trình huấn luyện sử dụng Radar và ARPA hàng hải mức vận hành quy định tại Phụ lục 53 ban hành kèm theo Thông tư này.

25. Chương trình huấn luyện sử dụng Radar và ARPA hàng hải mức quản lý quy định tại Phụ lục 54 ban hành kèm theo Thông tư này.

26. Chương trình huấn luyện khai thác hệ thống thông tin và chỉ báo hải đồ điện tử (ECDIS) quy định tại Phụ lục 55 ban hành kèm theo Thông tư này.

27. Chương trình huấn luyện viên chính quy định tại Phụ lục 56 ban hành kèm theo Thông tư này.

28. Chương trình huấn luyện cơ bản thuyền viên làm việc trên tàu cao tốc quy định tại Phụ lục 57 ban hành kèm theo Thông tư này.

29. Chương trình huấn luyện nâng cao thuyền viên làm việc trên tàu cao tốc quy định tại Phụ lục 58 ban hành kèm theo Thông tư này.

30. Chương trình huấn luyện cơ bản thuyền viên làm việc trên tàu hoạt động tại các vùng nước cực quy định tại Phụ lục 59 ban hành kèm theo Thông tư này.

31. Chương trình huấn luyện nâng cao thuyền viên làm việc trên tàu hoạt động tại các vùng nước cực quy định tại Phụ lục 60 ban hành kèm theo Thông tư này.

32. Chương trình huấn luyện cơ bản thuyền viên làm việc trên tàu sử dụng nhiên liệu có điểm cháy thấp theo Bộ luật IGF quy định tại Phụ lục 61 ban hành kèm theo Thông tư này.

33. Chương trình huấn luyện nâng cao thuyền viên làm việc trên tàu sử dụng nhiên liệu có điểm cháy thấp theo Bộ luật IGF quy định tại Phụ lục 62 ban hành kèm theo Thông tư này.

34. Chương trình huấn luyện sỹ quan an toàn tàu biển quy định tại Phụ lục 63 ban hành kèm theo Thông tư này.

35. Chương trình huấn luyện bếp trưởng, cấp dưỡng quy định tại Phụ lục 64 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Chương trình đào tạo hoa tiêu

1. Chương trình đào tạo hoa tiêu hàng hải cơ bản quy định tại Phụ lục 65 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình đào tạo hoa tiêu hàng hải nâng cao quy định tại Phụ lục 66 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình đào tạo hoa tiêu hàng hải cho thuyền trưởng tự dẫn tàu quy định tại Phụ lục 67 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải

1. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 1 quy định tại Phụ lục 68 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 2 quy định tại Phụ lục 69 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ 3 quy định tại Phụ lục 70 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 1 quy định tại Phụ lục 71 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 2 quy định tại Phụ lục 72 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chương trình đào tạo tiếng Anh hàng hải chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ 3 quy định tại Phụ lục 73 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN, HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam

Tổ chức thanh tra, kiểm tra về công tác đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo, huấn luyện

1. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện tổ chức thực hiện Thông tư này trong phạm vi trách nhiệm.

2. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện tổ chức đào tạo, huấn luyện thuyền viên, hoa tiêu hàng hải theo chương trình quy định tại Thông tư này.

3. Thường xuyên cập nhật các chương trình chi tiết, giáo trình, tài liệu giảng dạy theo các văn bản quy phạm pháp luật; Công ước quốc tế có liên quan và chương trình mẫu của Tổ chức Hàng hải Quốc tế.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các thuyền viên, hoa tiêu hàng hải đã được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không phải đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện các chương trình tương ứng tại Thông tư này.

2. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải có trách nhiệm hoàn thiện giáo trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện quy định tại Chương II Thông tư này chậm nhất trong vòng 12 tháng, kể từ ngày Thông tư có hiệu lực. Trong thời gian các cơ sở đào tạo, huấn luyện hoàn thiện giáo trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện theo quy định tại Chương II Thông tư này thì được tiếp tục đào tạo, huấn luyện theo Quyết định số 2908/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Chương trình đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải, hoa tiêu hàng hải và bộ ngân hàng câu hỏi, hướng dẫn trả lời câu hỏi sỹ quan hàng hải, tiếng Anh hàng hải.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2024.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, các cơ sở đào tạo, huấn luyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC 01

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỂ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN ĐẠI PHÓ TÀU TỪ 3000 GT TRỞ LÊN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; học viên tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng các ngành cùng nhóm ngành điều khiển tàu biển, đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học hoặc cao đẳng tương ứng được xem xét như học viên tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng chuyên ngành điều khiển tàu biển.

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 240 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sỹ quan hàng hải mức trách nhiệm quản lý ngành điều khiển tàu biển hạng tàu từ 3000 GT trở lên đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực đảm nhận chức danh đại phó tàu biển từ 3000 GT trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại các Mục A-II/1, A-II/2, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Vận dụng các kiến thức chung về dẫn tàu ở mức quản lý;

- Vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức quản lý;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức quản lý;

- Thông tin liên lạc ở mức quản lý.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn và các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

- Lựa chọn giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn dựa trên các kiến thức về khí tượng hải dương, thông tin thời tiết;

- Lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước dựa trên các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa;

- Lựa chọn phương án điều động tàu an toàn trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...), các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Tổ chức khai thác tàu an toàn dựa trên các kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên biển trong mọi điều kiện thời tiết.

- Điều động tàu trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông lớn, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào vùng neo…);

- Ban hành các nội qui, quy định trong quản lý cũng như chuyên môn cho thuyền bộ đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các quy định đó dựa trên pháp luật quốc gia và quốc tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

Số lượng học phần: 07.

Khối lượng học tập toàn khóa: 240 giờ.

Khối lượng lý thuyết: 144 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 82 giờ.

Kiểm tra đánh giá: 14 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Nghiệp vụ dẫn tàu	40	20	18	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
2	Pháp luật hàng hải	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
3	Kiểm soát hoạt động và quản lý nguồn lực trên tàu	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
4	Nghiệp vụ xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	60	30	28	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
5	Nghiệp vụ điều động tàu	40	20	18	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
6	Chuyên đề hàng hải	20	18	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
7	Thực hành tổng hợp	20	0	18	2	Thực hành
Tổng cộng		**240**	**144**	**82**	**14**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học như lớp học 25 học viên.

Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện thi/kiểm tra hết học phần:

Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc đánh giá thực hành.

Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

4.2.3. Nội dung đánh giá:

- Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn và các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

- Sử dụng các kiến thức về khí tượng hải dương để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

- Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học, học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên, bao gồm các môn thi như sau:

Hàng hải tổng hợp;

Nghiệp vụ tổng hợp;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 02

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỂ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN ĐẠI PHÓ TÀU TỪ 500 GT ĐẾN DƯỚI 3000 GT

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng trở lên; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; học viên tốt nghiệp các ngành, nghề cùng nhóm ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng hoặc trung cấp, đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng hoặc trung cấp tương ứng được xem xét như học viên tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung cấp chuyên ngành điều khiển tàu biển.

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 240 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sỹ quan hàng hải mức trách nhiệm quản lý ngành điều khiển tàu biển hạng tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có đủ năng lực của đại phó tàu biển từ 500 GT đến dưới 3000 GT đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/2, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Vận dụng các kiến thức chung về dẫn tàu ở mức quản lý;

- Vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức quản lý;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức quản lý;

- Thông tin liên lạc ở mức quản lý.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn và các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

- Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

- Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên biển trong mọi điều kiện thời tiết;

- Điều động tàu trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông lớn, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào vùng neo…);

- Dựa trên pháp luật quốc gia và quốc tế có thể ban hành các nội quy, quy định trong quản lý cũng như chuyên môn cho thuyền bộ đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các quy định đó.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 7

- Khối lượng học tập toàn khóa: 240 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 144 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 82 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 14 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Nghiệp vụ dẫn tàu	40	20	18	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Luật hàng hải	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Kiểm soát hoạt động và quản lý nguồn lực trên tàu	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Nghiệp vụ xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	60	30	28	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Nghiệp vụ điều động tàu	40	20	18	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
6	Chuyên đề hàng hải	20	18	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
7	Thực hành tổng hợp	20	0	18	2	Thực hành
Tổng cộng		**240**	**144**	**82**	**14**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc thực hành;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn và các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn.

+ Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn.

+ Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước.

+ Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...).

+ Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học, học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 500 GT đến dưới 3000 GT, bao gồm các môn thi như sau:

Hàng hải tổng hợp;

Nghiệp vụ tổng hợp;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 03

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỂ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN ĐẠI PHÓ TÀU DƯỚI 500 GT (HÀNH TRÌNH GẦN BỜ)

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu dưới 500 GT (hành trình gần bờ).

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp trở lên; các học viên tốt nghiệp các ngành, nghề cùng nhóm ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp, đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp được xem xét như học viên tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành điều khiển tàu biển;

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu dưới 500GT hành trình gần bờ tối thiểu 24 tháng.

Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 210 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sỹ quan hàng hải mức trách nhiệm quản lý ngành điều khiển tàu biển hạng tàu dưới 500 GT đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có đủ năng lực của đại phó hạng tàu dưới 500 GT đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/3, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Vận dụng các kiến thức chung về hàng hải ở mức vận hành;

- Vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức khai thác;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức vận hành;

- Thông tin liên lạc ở mức khai thác.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về địa văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

- Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

- Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn và bảo vệ môi trường biển.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên biển trong mọi điều kiện thời tiết;

- Điều động tàu trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông lớn, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào vùng neo…);

- Dựa trên pháp luật quốc gia và quốc tế có thể ban hành các nội quy, quy định trong quản lý cũng như chuyên môn cho thuyền bộ đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các quy định đó.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 6

- Khối lượng học tập toàn khóa: 210 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 101 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 97 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá: 12 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Nghiệp vụ dẫn tàu	40	15	23	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Luật hàng hải	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Nghiệp vụ xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	60	15	43	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Kiểm soát hoạt động và quản lý nguồn lực trên tàu	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Nghiệp vụ điều động tàu	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
6	Thực hành tổng hợp	20	0	18	2	Thực hành
Tổng cộng		**210**	**101**	**97**	**12**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc thực hành.

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Vận dụng kiến thức về địa văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

+ Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

+ Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước;

+ Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

+ Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn và bảo vệ môi trường biển.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học, học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu dưới 500 GT (hành trình gần bờ), bao gồm các môn thi như sau:

Lý thuyết tổng hợp;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 04

CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NGẮN HẠN ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THUYỀN TRƯỞNG TÀU DƯỚI 50 GT HÀNH TRÌNH GẦN BỜ

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình huấn luyện ngắn hạn để thi, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu dưới 50 GT hành trình gần bờ.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở;

+ Có thời gian đi biển tối thiểu 12 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 60 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Huấn luyện nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tàu dưới 50 GT.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có đủ năng lực của thuyền trưởng hạng tàu dưới 50 GT đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/3 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về dẫn tàu ở mức vận hành;

- Hiểu và vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức khai thác;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức vận hành;

- Thông tin liên lạc ở mức khai thác.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về địa văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để dẫn tàu an toàn;

- Giám sát việc bốc, sắp xếp, chằng buộc và dỡ hàng cũng như trông coi hàng hóa trong suốt hành trình;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên biển trong mọi điều kiện thời tiết;

- Điều động tàu trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông lớn, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào vùng neo…);

- Dựa trên pháp luật quốc gia và quốc tế có thể ban hành các nội quy, quy định trong quản lý cũng như chuyên môn cho thuyền bộ đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các quy định đó.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 3

- Khối lượng học tập toàn khóa: 60 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 39 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 18 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá: 03 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Nghiệp vụ dẫn tàu	20	10	9	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Luật hàng hải	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Nghiệp vụ xếp dỡ và bảo quản hàng hóa	20	10	9	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
Tổng cộng		**60**	**39**	**18**	**3**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Vận dụng kiến thức về địa văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để để dẫn tàu an toàn;

+ Giám sát việc bốc, sắp xếp, chằng buộc và dỡ hàng cũng như trông coi hàng hóa trong suốt hành trình;

+ Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

+ Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 05 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học, học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng tàu dưới 50 GT hành trình gần bờ, bao gồm các môn thi như sau:

Lý thuyết tổng hợp;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 05

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY HAI TÀU CÓ TỔNG CÔNG SUẤT MÁY CHÍNH TỪ 3000 kW TRỞ LÊN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ đại học; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 240 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo sỹ quan hàng hải mức trách nhiệm quản lý ngành khai thác máy tàu biển hạng tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực đảm nhận chức danh sỹ quan máy hai tàu biển có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại Mục A-III/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Quản lý, lập kế hoạch và đánh giá chất lượng khai thác, đảm bảo hoạt động an toàn của hệ động lực chính và các hệ thống phục vụ;

- Tổ chức khai thác, phát hiện hư hỏng và khôi phục trạng thái làm việc của các thiết bị điện-điện tử, điều khiển;

- Tổ chức bảo dưỡng hiệu quả các máy móc và đảm bảo môi trường làm việc an toàn; Xác định và xử lý các tình huống sự cố máy trên tàu một cách an toàn;

- Vận dụng các bộ luật và công ước quốc tế liên quan nhằm đảm bảo khai thác tàu an toàn và bảo vệ môi trường.

1.2.2. Về kỹ năng

- Tổ chức vận hành hiệu quả các máy móc hệ động lực;

- Tổ chức bảo dưỡng sửa chữa các trang thiết bị điện, máy trên tàu;

- Phối hợp thực hiện đúng các quy trình, xử lý các tình huống khẩn cấp nhằm đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường trong phạm vi bộ phận máy;

- Thực hiện giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan thông qua đối thoại và văn bản.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tổ chức và quản trị hiệu quả nguồn nhân lực bộ phận máy;

- Tổ chức khai thác hiệu quả hệ động lực, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường phù hợp với các quy định của địa phương và quốc tế;

- Ban hành các quy định quản lý cũng như chuyên môn nhằm đảm bảo sự hoạt động an toàn, hiệu quả của hệ động lực phù hợp với luật pháp quốc gia và quốc tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

Số lượng học phần: 09

Khối lượng học tập toàn khóa: 240 giờ

Khối lượng lý thuyết: 172 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 59 giờ

Kiểm tra đánh giá: 09 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Động cơ tàu thủy, nhiên liệu và dầu bôi trơn	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Khai thác hệ động lực tàu thủy	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Khai thác các hệ thống phục vụ hệ động lực tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Tự động điều khiển hệ động lực tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Khai thác thiết bị điện - điện tử tàu thủy	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
6	Tổ chức bảo dưỡng và sửa chữa hệ động lực	30	14	15	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
7	Pháp luật hàng hải	30	29	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
8	Kiểm soát hoạt động và quản lý nguồn lực buồng máy	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
9	Thực tập	20	0	19	1	Vấn đáp
Tổng cộng		**240**	**172**	**59**	**9**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học.

Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện thi/kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận.

Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

4.2.3. Nội dung đánh giá

- Các loại nhiên liệu, dầu bôi trơn cho động cơ tàu thủy;

- Nguyên lý, đặc điểm, khai thác các loại động cơ tàu thủy;

- Lập kế hoạch khai thác hệ động lực;

- Đánh giá và duy trì hoạt động an toàn của máy chính, phát hiện, xử lý các sự cố;

- Đánh giá và duy trì hoạt động an toàn của các hệ thống phục vụ;

- Khai thác, đảm bảo hoạt động của các hệ thống điều khiển, điều chỉnh tự động;

- Khai thác, bảo dưỡng các hệ thống thiết bị điện-điện tử, điều khiển;

- Hệ thống kiểm tra liên tục máy và hệ thống bảo dưỡng theo kế hoạch; Tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa máy móc hệ động lực;

- Giám sát và kiểm tra sự tuân thủ các quy định quốc tế để đảm bảo an toàn sinh mạng trên biển và bảo vệ môi trường, duy trì các thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, triển khai các quy trình khẩn cấp;

- Tổ chức nhóm làm việc, quản lý nguồn lực buồng máy.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học này học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên, bao gồm các môn thi như sau:

Hệ thống động lực;

Tự động - Điện;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 06

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY HAI TÀU CÓ TỔNG CÔNG SUẤT MÁY CHÍNH TỪ 750 kW ĐẾN DƯỚI 3000 kW

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW đến dưới 3000 kW.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng trở lên; trường hợp tốt nghiệp ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; học viên tốt nghiệp các ngành, nghề cùng nhóm ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng hoặc trung cấp, đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng hoặc trung cấp tương ứng được xem xét như học viên tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung cấp chuyên ngành khai thác máy tàu biển.

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy hạng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên, tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 240 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sỹ quan hàng hải mức trách nhiệm quản lý ngành khai thác máy tàu biển hạng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW đến dưới 3000 kW đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực của máy hai hạng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW đến dưới 3000 kW đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại các Mục A-III/3 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung kỹ thuật máy tàu biển ở mức quản lý;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển ở mức quản lý;

- Mô tả công tác bảo trì và sửa chữa máy tàu biển ở mức quản lý;

- Kiểm tra hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức quản lý.

1.2.2. Về kỹ năng

- Quản lý các ca trực máy an toàn;

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ công việc;

- Quản lý được máy chính và máy phụ cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Quản lý được các hệ thống nhiên liệu, bôi trơn, nước dằn và các hệ thống khác cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Quản lý được hệ thống điện, điện tử và điều khiển;

- Quản lý công tác bảo trì và sửa chữa được thiết bị điện, điện tử;

- Quản lý công tác bảo trì và sửa chữa được máy móc, thiết bị trên tàu;

- Quản lý hoạt động hành hải của tàu;

- Quản lý việc thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng chống ô nhiễm môi trường;

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập thực hiện ca trực máy an toàn;

- Quản lý máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Bảo dưỡng máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 9

- Khối lượng học tập toàn khóa: 240 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 172 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 59 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá: 09 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Động cơ tàu thủy, nhiên liệu và dầu bôi trơn	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Khai thác hệ động lực tàu thủy	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Khai thác các hệ thống phục vụ hệ động lực tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Tự động điều khiển hệ động lực tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Khai thác thiết bị điện - điện tử tàu thủy	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
6	Tổ chức bảo dưỡng và sửa chữa hệ động lực	30	14	15	1	Vấn đáp hoặc thực hành
7	Pháp luật hàng hải	30	29	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
8	Kiểm soát hoạt động và quản lý nguồn lực buồng máy	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
9	Thực tập	20	0	19	1	Vấn đáp
Tổng cộng		**240**	**172**	**59**	**9**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Khai thác máy chính cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

+ Quản lý nhiên liệu, dầu bôi trơn;

+ Đặc tính và sự phối hợp công tác động cơ Diesel và chân vịt;

+ Khai thác máy phụ và các hệ thống phục vụ hệ động lực tàu thủy;

+ Tự động điều khiển hệ động lực tàu thủy;

+ Khai thác thiết bị điện, điện tử tàu thủy;

+ Quản lý công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy và thiết bị trên tàu;

+ Triển khai, giám sát việc thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng chống ô nhiễm môi trường;

+ Quản lý các ca trực máy an toàn;

+ Quản lý hoạt động hành hải của tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học này học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW đến dưới 3000 kW, bao gồm các môn thi như sau:

Hệ thống động lực;

Tự động - Điện;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 07

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY HAI TÀU CÓ TỔNG CÔNG SUẤT MÁY CHÍNH DƯỚI 750 kW

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp trở lên; các học viên tốt nghiệp các ngành, nghề cùng nhóm ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp, đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp được xem xét như học viên tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành khai thác máy tàu biển;

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy hạng tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian đào, huấn luyện

Tổng số: 210 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sỹ quan mức trách nhiệm quản lý ngành khai thác máy tàu biển hạng tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực của máy hai hạng tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại các Mục A-III/1, A-III/3 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung kỹ thuật máy tàu biển ở mức quản lý;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển ở mức quản lý;

- Mô tả công tác bảo trì và sửa chữa máy tàu biển ở mức quản lý;

- Kiểm tra hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức quản lý.

1.2.2. Về kỹ năng

- Quản lý ca trực máy an toàn;

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ công việc;

- Quản lý được máy chính và máy phụ cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Quản lý được các hệ thống nhiên liệu, bôi trơn, nước dằn và các hệ thống khác cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Quản lý được hệ thống điện, điện tử và điều khiển;

- Quản lý công tác bảo trì và sửa chữa được thiết bị điện, điện tử;

- Quản lý công tác bảo trì và sửa chữa được máy móc, thiết bị trên tàu;

- Quản lý hoạt động hành hải của tàu;

- Quản lý việc thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng chống ô nhiễm môi trường.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập thực hiện ca trực máy an toàn;

- Quản lý máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Bảo dưỡng máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 9

- Khối lượng học tập toàn khóa: 210 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 161 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 40 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 9 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Động cơ tàu thủy, nhiên liệu và dầu bôi trơn	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Khai thác hệ động lực tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Khai thác các hệ thống phục vụ hệ động lực tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Tự động điều khiển hệ động lực tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Khai thác thiết bị điện - điện tử tàu thủy	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
6	Tổ chức bảo dưỡng và sửa chữa hệ động lực	25	19	5	1	Vấn đáp hoặc thực hành

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
7	Pháp luật hàng hải	20	14	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
8	Kiểm soát hoạt động và quản lý nguồn lực buồng máy	20	14	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
9	Thực tập	20	19	0	1	Vấn đáp
Tổng cộng		**210**	**161**	**40**	**9**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Khai thác máy chính cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

+ Quản lý nhiên liệu, dầu bôi trơn;

+ Đặc tính và sự phối hợp công tác động cơ Diesel và chân vịt;

+ Khai thác máy phụ và các hệ thống phục vụ hệ động lực tàu thủy;

+ Tự động điều khiển hệ động lực tàu thủy;

+ Khai thác thiết bị điện, điện tử tàu thủy;

+ Quản lý công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy và thiết bị trên tàu;

+ Triển khai, giám sát việc thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng chống ô nhiễm môi trường;

+ Quản lý các ca trực máy an toàn;

+ Quản lý hoạt động hành hải của tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học này học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW, bao gồm các môn thi như sau:

Lý thuyết tổng hợp;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 08

CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NGẮN HẠN ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY TRƯỞNG TÀU CÓ TỔNG CÔNG SUẤT MÁY CHÍNH DƯỚI 75 kW

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình huấn luyện ngắn hạn để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 kW.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên;

+ Có thời gian đi biển tối thiểu 12 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 60 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Huấn luyện nghiệp vụ để thi, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 kW.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực đảm nhận chức danh máy trưởng hạng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 kW đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại các Mục A-III/1, A-III/3 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung kỹ thuật máy tàu biển ở mức quản lý;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển ở mức quản lý;

- Mô tả công tác bảo trì và sửa chữa máy tàu biển ở mức quản lý;

- Kiểm tra hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở quản lý.

1.2.2. Về kỹ năng

- Quản lý các ca trực máy an toàn;

- Sử dụng được tiếng Anh phục vụ công việc;

- Quản lý được máy chính và máy phụ cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Quản lý được các hệ thống nhiên liệu, bôi trơn, nước dằn và các hệ thống khác cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Quản lý được hệ thống điện, điện tử và điều khiển;

- Quản lý công tác bảo trì và sửa chữa được thiết bị điện, điện tử;

- Quản lý công tác bảo trì và sửa chữa được máy móc, thiết bị trên tàu;

- Quản lý hoạt động hành hải của tàu;

- Quản lý việc thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng chống ô nhiễm môi trường.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập thực hiện ca trực máy an toàn;

- Quản lý máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Bảo dưỡng máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Có trách nhiệm với công việc được giao, quý trọng bảo vệ tài sản, tiết kiệm vật liệu, vật tư, đấu tranh chống lại sai phạm;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 4

- Khối lượng học tập toàn khóa: 60 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 44 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 12 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 4 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Khai thác hệ động lực tàu thủy, nhiên liệu và dầu bôi trơn	15	10	4	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Khai thác hệ thống điện - điện tử và điều khiển tàu thủy	15	10	4	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Tổ chức bảo dưỡng và sửa chữa hệ động lực	15	10	4	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Kiểm soát hoạt động và quản lý nguồn lực buồng máy	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
Tổng cộng		**60**	**44**	**12**	**4**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Khai thác máy chính cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

+ Quản lý nhiên liệu, dầu bôi trơn;

+ Khai thác máy phụ và các hệ thống phục vụ hệ động lực tàu thủy;

+ Khai thác thiết bị điện, điện tử tàu thủy;

+ Quản lý công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy và thiết bị trên tàu;

+ Triển khai, giám sát việc thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và phòng chống ô nhiễm môi trường;

+ Quản lý các ca trực máy an toàn;

+ Quản lý hoạt động hành hải của tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học này học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính dưới 75 kW, bao gồm các môn thi như sau:

Lý thuyết tổng hợp;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 09

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỂ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN SỸ QUAN KỸ THUẬT ĐIỆN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ cao đẳng trở lên; trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp thì phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định; học viên tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng hoặc trung cấp các ngành cùng nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển, đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ đại học hoặc cao đẳng hoặc trung cấp tương ứng được xem xét như học viên tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng hoặc trung cấp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển.

+ Có thời gian thực tập được ghi trong "Sổ ghi nhận huấn luyện" tối thiểu 12 tháng theo chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu tại Bảng A-III/6 của Bộ luật STCW hoặc có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 240 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sỹ quan kỹ thuật điện tàu biển đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực đảm nhận chức danh sỹ quan kỹ thuật điện trên tàu biển đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại các Mục A-III/6 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về các thiết bị kỹ thuật điện - điện tử trên tàu biển;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức điện- điện tử khai thác trang thiết bị điện - điện tử trên tàu biển;

- Vận dụng các kiến thức chuyên ngành về điện - điện tử nhằm khai thác tốt các hệ thống điện tự động trên tàu thủy.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về điện - điện tử để vận hành và khai thác các trang thiết bị điện trên tàu;

- Vận dụng các kiến thức đã được trang bị về các thiết bị điện - điện tử để có thể sửa chữa và khắc phục các hỏng hóc thông thường trên các trang thiết bị điện - điện tử.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập trong công việc quản lý trang thiết bị điện - điện tử;

- Chịu trách nhiệm về khai thác và vận hành tốt và đúng quy trình của các thiết bị điện - điện tử trên tàu biển.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 6

- Khối lượng học tập toàn khóa: 240 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 183 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 45 giờ;

- Kiểm tra đánh giá 12 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Máy điện và khí cụ điện tàu thủy	40	28	10	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
2	Điều khiển tự động truyền động điện và điện tử công suất	40	28	10	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
3	Trạm phát điện tàu thủy và đo lường điện	40	33	5	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
4	Truyền động điện tàu thủy và điều khiển thủy khí	40	33	5	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
5	Hệ thống tự động và mạng truyền thông trên tàu thủy	40	33	5	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
6	Khai thác các hệ thống điện tàu thủy	40	28	10	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc Tự luận
Tổng cộng		**240**	**183**	**45**	**12**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện thi/kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi/kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận.

Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

4.2.3. Nội dung đánh giá

- Đánh giá mức độ hiểu và vận hành các thiết bị kỹ thuật điện - điện tử trên tàu biển;

- Các kiến thức, kỹ năng về điều khiển tự động truyền động điện và điện tử công suất, Trạm phát điện tàu thủy và đo lường điện, Truyền động điện tàu thủy và điều khiển thủy khí;

- Các kiến thức, kỹ năng về Hệ thống tự động và mạng truyền thông trên tàu thủy, Khai thác các hệ thống điện tàu thủy;

- Khả năng sửa chữa và khắc phục các hỏng hóc thông thường trên các trang thiết bị điện - điện tử.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Ngay sau khi được công nhận hoàn thành khóa học, học viên được tham dự kỳ thi để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện, bao gồm các môn thi như sau:

Lý thuyết tổng hợp;

Thực hành tổng hợp.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 10

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN ĐẠI PHÓ TÀU TỪ 3000 GT TRỞ LÊN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình đào tạo nâng cao trình độ cao đẳng để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng; hoặc tốt nghiệp các ngành cùng nhóm ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng;

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện:

Tổng số: 150 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cho học viên ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng để tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó tàu từ 3000 GT trở lên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có đủ năng lực tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đại phó hạng tàu từ 3000 GT trở lên đáp ứng yêu cầu của Công ước STCW 1978 và các sửa đổi.

1.2.1. Về kiến thức

- Vận dụng các kiến thức chung về dẫn tàu ở mức quản lý;

- Vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức quản lý;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức quản lý;

- Thông tin liên lạc ở mức quản lý.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn và các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

- Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

- Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...); Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên biển trong mọi điều kiện thời tiết;

- Điều động tàu trong mọi tình huống khác nhau (mật độ giao thông lớn, tầm nhìn xa bị hạn chế, ra vào vùng neo…);

- Dựa trên pháp luật quốc gia và quốc tế có thể ban hành các nội quy, quy định trong quản lý cũng như chuyên môn cho thuyền bộ đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm pháp lý về các quy định đó.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 5

- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 88 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 52 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 10 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Địa văn hàng hải	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Thiết bị hàng hải	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Vận chuyển hàng hóa	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Luật hàng hải	30	28	0	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Điều động tàu	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
Tổng cộng		**150**	**88**	**52**	**10**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn và các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

+ Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

+ Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng an toàn, giám định mớn nước;

+ Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...); Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

+ Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 11

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN SỸ QUAN BOONG TÀU TỪ 500 GT TRỞ LÊN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan boong tàu từ 500 GT trở lên.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp; hoặc tốt nghiệp trung cấp các ngành, nghề cùng nhóm ngành điều khiển tàu biển và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ trung cấp;

+ Có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng, trong đó có ít nhất 18 tháng trên tàu từ 500 GT trở lên bao gồm 06 tháng đảm nhiệm chức danh thủy thủ trực ca AB; hoặc đã đảm nhiệm chức danh sỹ quan boong trên tàu dưới 500 GT hành trình gần bờ thì phải có tối thiểu 06 tháng đi biển trên tàu từ 500 GT trở lên.

Thời gian đào tạo/Huấn luyện

Tổng số: 150 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cho học viên trình độ trung cấp chuyên ngành điều khiển tàu biển để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan mức trách nhiệm vận hành ngành điều khiển tàu biển hạng tàu từ 500 GT trở lên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có đủ năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/1, A-IV/2 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về dẫn tàu ở mức vận hành;

- Hiểu và vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức vận hành;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức vận hành;

- Thông tin liên lạc ở mức khai thác.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để lập kế hoạch hành trình, xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

- Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để trực ca, dẫn tàu an toàn;

- Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa, các thiết bị để triển khai làm hàng và giám sát việc làm hàng an toàn;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Sử dụng các tiêu chuẩn của IMO về thuật ngữ thông tin liên lạc hàng hải và sử dụng tiếng Anh dưới dạng viết và nói;

- Kiểm tra và báo cáo những chỗ hỏng và hư hại đối với không gian hàng hóa, nắp miệng khoang hàng và két dằn;

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn và bảo vệ môi trường biển.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên biển theo ca trực;

- Tuân thủ pháp luật quốc gia và quốc tế đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 6

- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 54 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 84 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 12 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ mô phỏng	Thi/kiểm tra hết học phần	
1	Địa văn hàng hải	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Thiết bị hàng hải	20	3	15	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Thiên văn hàng hải	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Quy tắc phòng ngừa đâm va trên biển	20	3	15	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Vận chuyển hàng hóa	20	3	15	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
6	Điều động tàu	30	15	13	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
Tổng cộng		**150**	**54**	**84**	**12**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để lập kế hoạch hành trình, xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

+ Sử dụng các kiến thức về khí tượng thủy văn và hải dương học để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để trực ca, dẫn tàu an toàn;

+ Sử dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa, các thiết bị để triển khai làm hàng và giám sát việc làm hàng an toàn;

+ Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao... (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

+ Sử dụng các tiêu chuẩn của IMO về thuật ngữ thông tin liên lạc hàng hải và sử dụng tiếng Anh dưới dạng viết và nói;

+ Kiểm tra và báo cáo những chỗ hỏng và hư hại đối với không gian hàng hóa, nắp miệng khoang hàng và két dằn;

+ Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn và bảo vệ môi trường biển.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 12

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN ĐỂ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THỦY THỦ TRỰC CA

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Thủy thủ trực ca.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp; hoặc tốt nghiệp các ngành cùng nhóm ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ sơ cấp.

Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 335 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cho học viên trình độ sơ cấp nghề điều khiển tàu biển để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có đủ năng lực của thủy thủ trực ca đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/4, A-II/5và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về hàng hải ở mức hỗ trợ;

- Hiểu và vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức hỗ trợ;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức hỗ trợ;

- Bảo quản, sửa chữa ở mức hỗ trợ.

1.2.2. Về kỹ năng

- Sử dụng la bàn từ và la bàn con quay để lái tàu và đồng thời tuân theo lệnh lái bằng tiếng Anh;

- Cảnh giới bằng mắt và tai nghe một cách thích hợp, góp phần giám sát và kiểm soát ca trực an toàn;

- Vận hành các thiết bị khẩn cấp và áp dụng các biện pháp khẩn cấp;

- Sử dụng các thiết bị trên boong, góp phần cho việc đậu, neo tàu, làm hàng, làm dây, bảo quản sửa chữa trên tàu;

- Làm hàng và chằng buộc hàng hóa bao gồm cả hàng lỏng, độc hại nguy hiểm;

- Làm các khuyết dây, buộc các nút dây, nối các dây phục vụ cho các công việc trên tàu. Treo được các loại cờ hiệu và biết ý nghĩa của một số cờ đơn giản;

- Áp dụng các biện pháp an toàn khi làm việc trên tàu;

- Áp dụng các biện pháp phòng ngừa và góp phần ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Góp phần thực hiện ca trực biển an toàn;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu thủy (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 2

- Khối lượng học tập toàn khóa: 335 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 316 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 5 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Thực tập thủy thủ	320	0	316	4	Vấn đáp
Tổng cộng		**335**	**14**	**316**	**5**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc Trắc nghiệm hoặc Tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Sử dụng la bàn từ và la bàn con quay để lái tàu và đồng thời tuân theo lệnh lái bằng tiếng Anh;

+ Cảnh giới bằng mắt và tai nghe một cách thích hợp, góp phần giám sát và kiểm soát ca trực an toàn;

+ Vận hành các thiết bị khẩn cấp và áp dụng các biện pháp khẩn cấp;

+ Sử dụng các thiết bị trên boong, góp phần cho việc đậu, neo tàu, làm hàng, làm dây, bảo quản sửa chữa trên tàu;

+ Làm hàng và chằng buộc hàng hóa bao gồm cả hàng lỏng, độc hại nguy hiểm;

+ Làm các khuyết dây, buộc các nút dây, nối các dây phục vụ cho các công việc trên tàu. Treo được các loại cờ hiệu và biết ý nghĩa của cờ hiệu;

+ Áp dụng các biện pháp an toàn khi làm việc trên tàu;

+ Áp dụng các phòng ngừa và góp phần ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 13

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY HAI TÀU CÓ TỔNG CÔNG SUẤT MÁY CHÍNH TỪ 3000 kW TRỞ LÊN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình đào tạo nâng cao trình độ cao đẳng để học, thi cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 3000 kW trở lên.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng; hoặc tốt nghiệp các ngành cùng nhóm ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng;

+ Có thời gian đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy hạng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên tối thiểu 24 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 150 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cho học viên nhóm ngành khai thác máy tàu biển trình độ cao đẳng để tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ máy hai hạng tàu từ 3000 kW trở lên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học sẽ có đủ năng lực tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ máy hai hạng tàu từ 3000 kW trở lên.

1.2.1. Về kiến thức

- Vận dụng tốt quy trình khai thác thiết bị động lực chính, thiết bị phụ tàu biển vào thực tế;

- Vận dụng tốt quy trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị động lực chính, thiết bị phụ của tàu biển vào thực tế;

- Vận dụng tốt quy trình khai thác các máy móc, thiết bị điện tàu thủy vào thực tế;

- Vận dụng tốt các quy định cơ bản về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường vào thực tế, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Tổ chức Hàng hải quốc tế;

- Vận dụng tốt các quy định về trực ca, giải thích được các chức năng, nhiệm vụ của thợ máy, sỹ quan máy làm việc trên tàu biển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và các quy định có liên quan trong Bộ luật STCW;

- Trình bày được cách sử dụng các phần mềm mô phỏng nghề khai thác máy tàu biển;

- Trình bày được cách sử dụng các chương trình tự động điều khiển hệ thống, thiết bị buồng máy tàu biển;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức đo, kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật máy và thiết bị hàng hải;

- Mô tả cấu tạo, hoạt động của tua bin hơi tàu biển.

1.2.2. Về kỹ năng

- Khai thác thiết bị động lực chính, thiết bị phụ của tàu biển đảm bảo an toàn, đúng quy trình kỹ thuật;

- Khai thác máy điện, thiết bị điện, điện tử tàu biển đảm bảo an toàn, đúng quy trình kỹ thuật;

- Tổ chức điều hành một phần bộ phận máy làm việc trong các điều kiện đặc biệt khó khăn (sự cố, sóng gió,...); tổ chức được làm việc theo nhóm và đào tạo, hướng dẫn, giám sát các thợ máy tàu biển có trình độ nghề thấp hơn (trung cấp, sơ cấp); tổ chức và điều hành sản xuất theo nhóm;

- Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

- Vận hành, khai thác được các chương trình tự động điều khiển hệ thống, thiết bị buồng máy;

- Vận dụng trang thiết bị để đo, đánh giá tình trạng kỹ thuật máy móc và thiết bị tàu biển;

- Quản lý hệ động lực hơi nước đúng yêu cầu kỹ thuật;

- Phán đoán, đánh giá được tình trạng kỹ thuật máy và thiết bị buồng máy;

- Thực hiện vận hành các hệ động lực tàu thủy trên mô phỏng

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Vận hành máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Bảo dưỡng máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 6

- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 70 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 74 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 6 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Thiết bị và kỹ thuật đo	20	10	9	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
2	Truyền động thủy lực, khí nén	30	20	9	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Kỹ thuật điện và điện tử tàu thủy	30	15	14	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Tua bin tàu thủy	20	10	9	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Chẩn đoán kỹ thuật máy tàu thủy	20	10	9	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
6	Khai thác hệ động lực tàu thủy trên hệ thống mô phỏng	30	5	24	1	Vấn đáp hoặc thực hành
Tổng cộng		**150**	**70**	**74**	**6**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc thực hành;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Phương pháp đo, kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật máy và thiết bị tàu thủy;

+ Cấu tạo, hoạt động và vận hành hệ thống thủy lực, khí nén;

+ Khai thác máy điện, thiết bị điện, điện tử tàu thủy đảm bảo an toàn, đúng quy trình kỹ thuật;

+ Khai thác tua bin hơi tàu biển;

+ Chẩn đoán, đánh giá tình trạng kỹ thuật máy và thiết bị buồng máy;

+ Khai thác hệ động lực tàu biển trên mô phỏng đảm bảo an toàn, đúng quy trình kỹ thuật;

+ Tổ chức điều hành bộ phận máy làm việc trong buồng máy trên hệ thống mô phỏng.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

- Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 14

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỂ THI, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN SỸ QUAN MÁY TÀU CÓ TỔNG CÔNG SUẤT MÁY CHÍNH TỪ 750 kW TRỞ LÊN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Chương trình đào tạo nâng cao trình độ trung cấp để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp hoặc tốt nghiệp các ngành cùng nhóm ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ trung cấp;

+ Có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng, trong đó có ít nhất 18 tháng trên tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên bao gồm 06 tháng đảm nhiệm chức danh thợ máy trực ca AB; hoặc đã đảm nhiệm chức danh sỹ quan máy hạng tàu có tổng công suất máy chính dưới 750 kW thì phải có ít nhất 06 tháng đi biển trên tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 150 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cho học viên trình độ trung cấp nhóm ngành khai thác máy tàu biển để thi, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan mức trách nhiệm vận hành ngành khai thác máy tàu biển hạng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực của sỹ quan máy hạng tàu có tổng công suất máy chính từ 750 kW trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại các Mục A-III/1 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung kỹ thuật máy tàu biển ở mức vận hành;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển ở mức vận hành;

- Mô tả công tác bảo trì và sửa chữa máy tàu biển ở mức vận hành;

- Kiểm tra hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức vận hành;

- Hiểu biết toàn diện về các nguyên tắc trực ca máy;

1.2.2. Về kỹ năng

- Duy trì được ca trực an toàn;

- Viết và nói được tiếng Anh phục vụ công việc;

- Sử dụng được hệ thống liên lạc nội bộ;

- Vận hành được máy chính và máy phụ cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Vận hành được các hệ thống nhiên liệu, bôi trơn, dằn và các hệ thống bơm khác cũng như các hệ thống điều khiển phối hợp;

- Vận hành được hệ thống điện, điện tử và điều khiển;

- Bảo trì và sửa chữa được thiết bị điện, điện tử;

- Sử dụng được các dụng cụ cầm tay, máy công cụ, dụng cụ đo để gia công và sửa chữa trên tàu;

- Bảo trì và sửa chữa được máy móc, thiết bị trên tàu;

- Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;

- Duy trì được khả năng chạy biển của tàu;

- Ngăn chặn, kiểm soát và cứu hỏa trên tàu;

- Sử dụng thành thạo các thiết bị cứu sinh, các biện pháp cấp cứu y tế.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập thực hiện ca trực máy an toàn;

- Vận hành máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Bảo dưỡng máy chính, máy và thiết bị phụ trong mọi tình huống;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 5

- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 130 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 15 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá: 5 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Nhiệt kỹ thuật	30	29	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Kỹ thuật điện, điện tử tàu thủy	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
3	Động cơ Diesel	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Tổ chức và công nghệ sửa chữa	30	29	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Khai thác hệ động lực tàu thủy	30	24	5	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
Tổng cộng		**150**	**130**	**15**	**5**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc thực hành;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Nhiệt động học và truyền nhiệt;

+ Khai thác thiết bị điện, điện tử tàu biển;

+ Khai thác động cơ Diesel tàu biển;

+ Tổ chức sửa chữa bộ phận máy;

+ Khảo sát hư hỏng chi tiết máy và phục hồi và sửa chữa chi tiết máy;

+ Vận hành thiết bị động lực chính tàu thủy;

+ Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động của động cơ Diesel tàu biển.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 15

CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU BIỂN ĐỂ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THỢ MÁY TRỰC CA

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Thợ máy trực ca.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến

- Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp chuyên ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp hoặc tốt nghiệp các ngành cùng nhóm ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành khai thác máy tàu biển trình độ sơ cấp.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 335 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao trình độ sơ cấp nhóm ngành khai thác máy tàu biển để cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thợ máy trực ca.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực của thợ máy trực ca đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại các Mục A-III/4, A-III/5 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu tên, công dụng, chức năng của các máy móc thiết bị trong buồng máy;

- Mô tả được cấu tạo, hoạt động của hệ động lực chính và các máy móc thiết bị phụ tàu thủy;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về nhiên liệu và các hoạt động liên quan;

- Mô tả được các công việc của thợ máy trực ca ở mức trợ giúp đáp ứng quy định Bộ luật STCW;

- Mô tả được các quy định cơ bản về an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

- Hiểu được cách sử dụng hệ thống thông tin liên lạc nội bộ trong phạm vi thợ máy.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

- Góp phần thực hiện trực ca an toàn;

- Sử dụng hệ thống thông tin liên lạc nội bộ phù hợp;

- Góp phần vận hành an toàn các máy móc thiết bị tàu thủy;

- Sử dụng an toàn thiết bị điện tàu thủy;

- Góp phần cho việc bảo trì và sửa chữa trên tàu;

- Đọc đúng tên các thiết bị và nghe hiểu các khẩu lệnh bằng tiếng Anh.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Góp phần thực hiện ca trực máy an toàn;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Có tác phong, kỷ luật nghiêm để làm việc trên tàu biển (trong các điều kiện làm việc căng thẳng và khó khăn);

- Làm việc có kỷ luật, phối hợp nhóm tốt;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 2

- Khối lượng học tập toàn khóa: 335 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 318 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá: 03 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Thực tập thợ máy	320	0	318	2	Vấn đáp
Tổng cộng		**335**	**14**	**318**	**3**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

- Nội dung đánh giá:

+ Biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

+ Tên, công dụng, chức năng của các máy móc thiết bị trong buồng máy;

+ Kiến thức về nhiên liệu và các hoạt động liên quan;

+ Trực ca buồng máy;

+ Hệ thống thông tin liên lạc nội bộ;

+ Vận hành an toàn máy móc thiết bị tàu thủy;

+ Sử dụng an toàn thiết bị điện tàu thủy;

+ Bảo dưỡng và sửa chữa trên tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 16

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP ĐỂ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN SỸ QUAN KỸ THUẬT ĐIỆN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Sỹ quan kỹ thuật điện.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp; hoặc tốt nghiệp các ngành, nghề cùng nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp;

+ Có thời gian đi biển tối thiểu 36 tháng.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện:

Tổng số: 150 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực cho học viên nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ trung cấp để tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ để thi, cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan kỹ thuật điện đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/6 của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Mô tả được các nguyên tắc điều khiển, khống chế truyền động điện, hệ thống tự động, báo động, hệ thống buồng lái.

- Mô tả được các nguyên tắc điều khiển lập trình PLC, biến tần, thủy lực khí nén và ứng dụng của chúng.

- Đánh giá được tình trạng kỹ thuật của các loại máy điện, khí cụ điện, hệ thống điện trên tàu biển.

1.2.2. Về kỹ năng

- Kiểm tra, chỉnh định các hệ thống tự động tàu thủy; sử dụng các dụng cụ bằng tay để đo đạc, kiểm tra điện, điện tử để tìm các hư hỏng và khắc phục; các biện pháp khẩn cấp và an toàn;

- Bảo dưỡng được hệ thống điều khiển thủy lực khí nén, điều khiển biến tần, PLC; bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống báo động, hệ thống tự động tàu thủy; bảo dưỡng các loại thiết bị điện - điện tử; các hệ thống điều khiển khác và các yêu cầu an toàn làm việc đối với các hệ thống điện trên tàu;

- Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu ngăn ngừa ô nhiễm; duy trì khả năng chạy trên biển của tàu; ngăn chặn, kiểm tra và cứu hỏa trên tàu; sử dụng thành thạo các thiết bị cứu sinh, các biện pháp cấp cứu y tế; tuân thủ theo yêu cầu pháp lý.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Rèn luyện tính cẩn thận, vận dụng kiến thức vào thực tế để đảm bảo an toàn khi thực hiện công việc;

- Có ý thức về học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc thợ kỹ thuật điện;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 05

- Khối lượng học tập toàn khóa: 150 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 25 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 115 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá: 10 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Điều khiển lập trình biến tần, PLC	30	5	23	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
2	Điều khiển hệ thống thủy lực, khí nén	30	5	23	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống tự động	30	5	23	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống báo động	30	5	23	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị điện buồng lái	30	5	23	2	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
Tổng cộng		**150**	**25**	**115**	**10**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Các nguyên tắc điều khiển, khống chế truyền động điện, hệ thống tự động, báo động, hệ thống buồng lái;

+ Các nguyên tắc điều khiển lập trình PLC, Biến tần, thủy lực khí nén và ứng dụng của chúng;

- Đánh giá tình trạng kỹ thuật của các loại máy điện, khí cụ điện, hệ thống điện trên tàu biển;

+ Kiểm tra, chỉnh định các hệ thống tự động tàu thủy;

+ Sử dụng các dụng cụ bằng tay để đo đạc, kiểm tra điện, điện tử để tìm các hư hỏng và khắc phục;

+ Bảo dưỡng được hệ thống điều khiển thủy lực khí nén, điều khiển biến tần, PLC;

+ Bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống báo động, hệ thống tự động tàu thủy; Bảo dưỡng các loại thiết bị điện - điện tử;

+ Các hệ thống điều khiển khác và các yêu cầu an toàn làm việc đối với các hệ thống điện trên tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 05 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 17

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP ĐỂ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THỢ KỸ THUẬT ĐIỆN

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Thợ kỹ thuật điện.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp chuyên ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp; hoặc tốt nghiệp các ngành cùng nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp và đã hoàn thành chương trình bổ túc ngành kỹ thuật điện tàu biển trình độ sơ cấp.

Thời gian đào tạo hoặc huấn luyện:

Tổng số: 495 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình này được sử dụng để giảng dạy nâng cao trình độ sơ cấp nhóm ngành kỹ thuật điện tàu biển để cấp Giấy Chứng nhận khả năng chuyên môn thợ kỹ thuật điện.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành khóa học, có đủ năng lực đảm nhận chức danh thợ kỹ thuật điện đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-III/7của Bộ luật STCW.

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các quy định liên quan đến thuyền viên, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và bảo vệ môi trường, công ước ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra;

- Mô tả được nhiệm vụ, chức trách thợ kỹ thuật điện theo quy định ở trên tàu.

1.2.2. Về kỹ năng

- Giám sát được sự hoạt động của hệ thống điện và máy móc; vận hành được các bảng điện, trạm phát điện;

- Bảo dưỡng, vận hành, sửa chữa những hư hỏng cơ bản các hệ thống điện trên tàu;

- Hỗ trợ đánh giá được tình trạng hoạt động của trạm phát điện và bảng phân chia điện chính, các thiết bị khác trên tàu; hỗ trợ cấp cứu chăm sóc người trong các trường hợp.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Rèn luyện tính cẩn thận, vận dụng kiến thức vào thực tế để đảm bảo an toàn khi thực hiện công việc;

- Có ý thức về học tập để nâng cao kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc thợ kỹ thuật điện;

- Có ý thức lao động, kỷ luật, trách nhiệm cao để nâng cao năng suất lao động;

- Tuân thủ các quy định an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 02

- Khối lượng học tập toàn khóa: 495 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 476 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá: 5 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
2	Thực tập thợ kỹ thuật điện	480	0	476	4	Vấn đáp
Tổng cộng		**495**	**14**	**476**	**5**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Các quy định cơ bản về an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển;

+ Nhiệm vụ, chức trách thợ kỹ thuật điện theo quy định ở trên tàu;

+ Đọc, giám sát, đo các thông số điện, không điện, hoạt động của hệ thống điện và máy móc; vận hành các bảng điện, trạm phát điện;

+ Bảo dưỡng, vận hành, sửa chữa những hư hỏng cơ bản các khí cụ điện, máy điện, các hệ thống truyền động điện trên tàu;

+ Hỗ trợ đánh giá tình trạng hoạt động của trạm phát điện và bảng phân chia điện chính, các thiết bị khác trên tàu; hỗ trợ cấp cứu chăm sóc người trong các trường hợp.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 18

CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC
NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện:

Bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện:

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành quản lý hàng hải; hoặc các chuyên ngành khác ngành thuộc ngành khoa học hàng hải tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải.

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành điều khiển tàu biển tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải.

Thời gian đào tạo

Tổng số: 380 giờ chuẩn (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bổ túc chuyên ngành điều khiển tàu biển trình độ đại học nhằm mục đích bổ túc các học phần chưa học; hoặc học chưa đầy đủ đối với các trường hợp đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành quản lý hàng hải tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc chuyên ngành điều khiển tàu biển tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Diễn giải nguyên lý cơ bản về các thiết bị hàng hải, vận hành các quy trình khai thác hàng hải, an toàn hàng hải, luật hàng hải để giải quyết các vấn đề liên quan đến hàng hải mức độ trợ giúp;

- Vận dụng các kiến thức nền tảng để chọn giải pháp tối ưu nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến dẫn tàu an toàn, xác định vị trí tàu, khai thác và sử dụng các trang thiết bị hàng hải, điều động tàu thủy, vận chuyển hàng hóa;

- Sử dụng các quy tắc cơ bản trong vận hành trang thiết bị buồng lái để đảm bảo trực ca buồng lái an toàn đúng chức trách, nhiệm vụ của thủy thủ.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện việc trực ca với nhiệm vụ của một thủy thủ là một phần của ca trực buồng lái;

- Thực hiện các mệnh lệnh theo nhiệm vụ được giao theo đúng chức trách, nhiệm vụ của thủy thủ;

- Vận hành các thiết bị và áp dụng các biện pháp khẩn cấp đúng quy trình trong các tình huống khẩn cấp theo chức trách, nhiệm vụ.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Thực hiện ca trực và vận hành các trang thiết bị trên tàu theo đúng quy trình và tuân thủ các quy định của quốc gia và quốc tế;

- Nhận thức và phối hợp thực hiện các quy trình khai thác vận hành tàu biển theo hệ thống quản lý an toàn quốc tế nhằm đảm bảo an toàn hàng hải và bảo vệ môi trường theo chức trách, nhiệm vụ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 06

- Khối lượng học tập toàn khóa: 380 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 55 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 318 giờ

- Kiểm tra đánh giá: 07 giờ.

3. Nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện:

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặckiểm tra hết học phần	
1	Hàng hải cơ bản	10	9	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặckiểm tra hết học phần	
2	Trang thiết bị buồng lái	10	9	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Điều động tàu	10	9	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Vận chuyển hàng hóa	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
5	Luật hàng hải	15	14	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
6	Thực tập thủy thủ	320	00	318	2	Vấn đáp
Tổng cộng		**380**	**55**	**318**	**07**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2 Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện thi hoặc kiểm tra hết học phần:

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần khi đã tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần:

Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp gồm vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc.

Địa điểm thi: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu thực tập, phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá.

4.2.3. Nội dung đánh giá:

- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức về địa văn, thiên văn, các trang thiết bị hàng hải trên buồng lái để lập kế hoạch hành trình, xác định vị trí tàu, kiểm tra và xác định sai số la bàn;

- Đánh giá việc áp dụng các kiến thức về khí tượng hải dương để phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để trực ca, dẫn tàu an toàn;

- Đánh giá việc áp dụng các kiến thức ổn định tàu và hàng hóa, các thiết bị để triển khai làm hàng và giám sát việc làm hàng an toàn;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...);

- Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn và bảo vệ môi trường biển.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

PHỤ LỤC 19

CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC NGÀNH ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành theo Thông tư số 57/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Trình độ đào tạo, huấn luyện

Bổ túc ngành điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng.

- Hình thức đào tạo, huấn luyện

Trực tiếp tại cơ sở đào tạo hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

- Đối tượng tuyển sinh:

Tốt nghiệp nghề điều khiển tàu biển trình độ cao đẳng tại các trường không đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề quản lý hàng hải trình độ cao đẳng tại các trường đào tạo chuyên ngành hàng hải; hoặc tốt nghiệp nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa trình độ cao đẳng tại các trường đào tạo chuyên ngành đường thủy nội địa.

- Thời gian đào tạo, huấn luyện

Tổng số: 380 giờ (01 giờ được tính bằng 45 phút giảng dạy, học tập).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Bổ túc kiến thức, kỹ năng cho học viên có trình độ cao đẳng thuộc nhóm ngành điều khiển tàu biển.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên được bổ sung đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn quy định tại mục A-II/1 và A-VIII/2 của Bộ luật STCW

1.2.1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chung về dẫn tàu ở mức vận hành;

- Hiểu và vận dụng kỹ thuật làm hàng và sắp xếp hàng hóa ở mức vận hành;

- Kiểm soát hoạt động của tàu và chăm sóc người trên tàu ở mức vận hành;

- Thông tin liên lạc ở mức khai thác.

1.2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn;

- Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao… (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

- Đảm bảo an toàn, kiểm soát an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường khi làm việc dưới tàu.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Độc lập dẫn tàu trên biển theo ca trực;

- Tuân thủ pháp luật quốc gia và quốc tế đảm bảo cho tàu hoạt động an toàn, hiệu quả.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng học phần: 4

- Khối lượng học tập toàn khóa: 380 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 57 giờ; Thực hành, thực tập, mô phỏng: 318 giờ; Thi, kiểm tra đánh giá 5 giờ.

3. Nội dung chương trình

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
1	Luật hàng hải	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận

STT	Tên Học phần	Phân bổ thời gian (giờ)				Hình thức đánh giá
		Tổng số	Trong đó			
			Lý thuyết	Thực hành hoặc Thực tập hoặc mô phỏng	Thi hoặc kiểm tra hết học phần	
2	Nghiệp vụ điều động tàu	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
3	Thực hiện an toàn, an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	20	19	0	1	Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận
4	Thực tập thủy thủ	320	0	318	2	Vấn đáp
Tổng cộng		**380**	**57**	**318**	**5**	

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Tổ chức lớp học

- Lớp học trực tiếp tiêu chuẩn không vượt quá 25 học viên. Trong trường hợp vượt quá, cơ sở đào tạo phải bố trí tăng cường đủ giảng viên, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng khóa học;

- Cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến các nội dung lý thuyết phù hợp nếu có trang bị hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng của chương trình.

4.2. Tổ chức đánh giá các học phần

4.2.1. Điều kiện dự thi hoặc kiểm tra hết học phần

Học viên được dự thi hoặc kiểm tra hết học phần phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập của học phần.

4.2.2. Hình thức đánh giá kết thúc học phần

- Cơ sở đào tạo lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp trong các hình thức sau đây: Vấn đáp hoặc trắc nghiệm hoặc tự luận;

- Địa điểm đánh giá: Tại các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, mô phỏng, trên tàu biển phù hợp với nội dung, hình thức đánh giá;

- Nội dung đánh giá:

+ Vận dụng tốt kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn;

+ Điều động tàu trong các điều kiện trên biển (tầm nhìn xa bị hạn chế, neo, khu vực mật độ tàu thuyền lớn...). Đưa ra các biện pháp ứng phó khi gặp tình huống khẩn cấp xảy ra khi dẫn tàu trên luồng, ra vào cầu, khu vực neo đậu, bến phao… (sự cố máy chính, sự cố hệ thống lái...);

+ Đảm bảo an toàn, kiểm soát an ninh hàng hải và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường khi làm việc dưới tàu.

4.3. Công nhận hoàn thành khóa học

Để được công nhận hoàn thành khóa học, học viên phải hoàn thành tất cả các học phần và đạt điểm đánh giá từ 5 trở lên theo thang điểm 10.

5. Tiêu chuẩn giảng viên, huấn luyện viên

Giảng viên, huấn luyện viên phải đáp ứng yêu cầu của Nghị định Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

(Xem tiếp Công báo số 355 + 356)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng